

A STUDY ON THE CURRENT APPLICATION OF THE BLENDED LEARNING MODEL IN TEACHING ELECTIVE SUBJECTS AT HIGH SCHOOLS

Do Thu Ha

Email: hadt@vnies.edu.vn

The Vietnam National Institute of Educational Sciences
101 Tran Hung Dao, Cua Nam ward,
Hanoi, Vietnam

Received: 15/5/2025

Revised: 13/6/2025

Accepted: 12/8/2025

Published: 20/8/2025

Abstract: Blended learning is a modern instructional model based on digital platforms that has emerged in recent decades, fostering more dynamic teaching and learning while providing diverse learning experiences. This model offers numerous advantages in education in general and in the teaching of elective subjects at the high school level in particular. To assess the current application of the blended learning model in teaching elective subjects, this study surveyed 1,850 high school teachers across five provinces and cities, representing different regions of the country. The results show that most teachers have an accurate and comprehensive understanding of the nature of blended learning. In their teaching practice, teachers have actively integrated digital technology activities and applied blended learning to a certain extent. Notably, despite many challenges, most teachers expressed a willingness to engage in professional development to adapt to the implementation of new teaching models. However, the survey also revealed several issues related to awareness and obstacles in the process of applying the blended learning model. These findings provide important practical evidence for identifying support measures to help teachers overcome difficulties and apply the blended learning model more effectively in practice.

Keywords: *Blended learning model, elective subjects, 2018 General Education Program, high school education.*

THỰC TRẠNG VẬN DỤNG MÔ HÌNH KẾT HỢP TRONG DẠY HỌC CÁC MÔN LỰA CHỌN Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

Đỗ Thu Hà

Email: hadt@vnies.edu.vn

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam
101 Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam,
Hà Nội, Việt Nam

Nhận bài: 15/5/2025

Chỉnh sửa xong: 13/6/2025

Chấp nhận đăng: 12/8/2025

Xuất bản: 20/8/2025

Tóm tắt: Dạy học kết hợp là một trong những mô hình mới dựa trên nền tảng số xuất hiện trong những thập kỉ gần đây đã thúc đẩy việc dạy và học trở nên năng động hơn, mang đến những trải nghiệm học tập đa dạng. Mô hình này có nhiều ưu thế trong dạy học nói chung và dạy học các môn lựa chọn ở trường trung học phổ thông nói riêng. Nhằm đánh giá thực trạng vận dụng mô hình dạy học kết hợp đối với các môn lựa chọn, nghiên cứu đã tiến hành khảo sát 1850 giáo viên trung học phổ thông trên 05 tỉnh thành, đại diện cho các vùng miền cả nước. Kết quả khảo sát cho thấy, hầu hết giáo viên đã nhận thức đúng và đầy đủ về bản chất của mô hình dạy học kết hợp. Trong quá trình dạy học, giáo viên đã chủ động tích cực triển khai các hoạt động ứng dụng công nghệ số, thực hiện dạy học kết hợp ở những mức độ nhất định. Điều đáng ghi nhận là dù còn nhiều khó khăn nhưng hầu hết giáo viên đều có tâm thế sẵn sàng phát triển bản thân để thích ứng với việc thực hiện mô hình dạy học mới. Bên cạnh kết quả đó vẫn còn một số bất cập liên quan đến nhận thức của giáo viên, những vướng mắc trong quá trình áp dụng mô hình dạy học kết hợp. Đây là căn cứ thực tiễn quan trọng để tìm kiếm các biện pháp hỗ trợ giúp giáo viên khắc phục khó khăn, áp dụng mô hình dạy học kết hợp có hiệu quả vào thực tiễn.

Từ khóa: *Mô hình dạy học kết hợp, môn học lựa chọn, Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, trung học phổ thông.*

1. Đặt vấn đề

Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 của Việt Nam triển khai ở cấp Trung học phổ thông đến năm học 2024-2025 là hoàn thành chu trình thứ nhất. Một trong những điểm mới của chương trình là bên cạnh 8 môn học bắt buộc (Ngữ văn; Toán; Ngoại ngữ; Lịch sử; Giáo dục thể chất; Giáo dục quốc phòng và an ninh; Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; Nội dung giáo dục địa phương) thì học sinh sẽ được lựa chọn 4 trong số 9 môn gồm: Địa lí, Giáo dục Kinh tế và Pháp luật, Vật lí, Hóa học, Sinh học, Công nghệ, Tin học, Âm nhạc, Mĩ thuật để thực hiện chương trình học tập theo nguyện vọng và định hướng nghề nghiệp. Các môn học lựa chọn thuộc ba nhóm môn Khoa học xã hội, Khoa học tự nhiên, Công nghệ và Nghệ thuật.

Tuy nhiên, những năm đầu triển khai tổ chức dạy học các môn lựa chọn, nhiều trường trung học phổ thông gặp không ít thách thức liên quan đến sắp xếp số lượng tổ hợp, bố trí giáo viên, phòng học; hỗ trợ nhu cầu chuyển đổi môn học của học sinh sau một thời gian; dạy học phân hóa phù hợp với trình độ, năng lực của học sinh, đáp ứng mục đích học tập,... Cùng thời điểm này, công cuộc chuyển đổi số trên toàn thế giới đã và đang trở thành một xu thế tất yếu, tác động mạnh mẽ sâu sắc tới mọi lĩnh vực trong đời sống xã hội, giáo dục cũng nằm trong vòng sóng đó. Công nghệ phát triển đã tạo nên những biến đổi mạnh mẽ về cách quản lí, cách dạy, cách học, mang đến những cơ hội trải nghiệm dạy và học mới mẻ, phong phú, linh hoạt cho giáo viên và học sinh. Nhiều trường đang từng bước đẩy mạnh ứng dụng công nghệ vào hầu hết các hoạt động để nâng cao hiệu quả giáo dục, trong đó phải nói tới việc vận dụng mô hình dạy học kết hợp (Blended Learning). Vì vậy, tìm hiểu thực trạng vận dụng mô hình dạy học kết hợp trong dạy học các môn lựa chọn nhằm xem xét kết quả đã đạt và hạn chế bất cập sẽ góp phần tạo nên những luận cứ thực tiễn làm cơ sở tìm kiếm các biện pháp khả thi để phát huy hiệu quả của mô hình dạy học kết hợp, khắc phục những tồn tại trong quá trình tổ chức dạy học các môn lựa chọn ở trường phổ thông hiện nay.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này được thực hiện chủ yếu bằng phương pháp điều tra khảo sát thực tiễn. Đối tượng khảo sát là giáo viên dạy các môn tự chọn tại trường trung học phổ thông của 05 tỉnh, thành phố gồm: Hà Nội, Hòa Bình, Hà Tĩnh, Bình Phước và Sóc Trăng. Dữ liệu được thu thập bằng phương pháp lấy mẫu

cụm phân tầng, triển khai từ ngày 23 tháng 9 năm 2024 đến ngày 06 tháng 10 năm 2024 thông qua khảo sát trực tuyến trên Google Forms và được công bố trên Mendeley bởi nhóm tác giả Dao Chinh, Do Ha, Dang Hue, Phan Loi (2025). Khảo sát được thực hiện theo đường link: <https://docs.google.com/forms/d/1bT8LMofs0LKTsEwzwwkFPMUVYmPJ2-7lo53eCnQ54sd0/edit?ts=6754fe0d&pli=1>

Cuộc khảo sát đã nhận được sự tham gia của 1850 giáo viên, trong đó có 1834 phản hồi hợp lệ. Thông tin về giáo viên tham gia khảo sát được thể hiện ở Bảng 1 và Bảng 2.

Bảng 1: Phân bố đối tượng khảo sát theo khu vực trường học và giới tính

Khu vực trường học			Giới tính	
Thành thị	Nông thôn	Miền núi	Nam giới	Nữ giới
732	736	366	612	1.222
39,9%	40,1%	20,0%	33,4%	66,6%

Bảng 2: Phân bố đối tượng khảo sát theo thâm niên giảng dạy và trình độ học vấn

Thâm niên giảng dạy			Trình độ học vấn cao nhất	
Dưới 10 năm	Dưới 20 năm	Trên 20 năm	Đại học	Sau đại học
191	1092	551	1441	393
10,4%	59,5%	30,1%	78,6%	21,4%

Khảo sát trực tuyến là công cụ hiệu quả để tiếp cận số lượng lớn giáo viên dạy các môn tự chọn của 5 tỉnh đại diện cho cả nước, khuyến khích giáo viên chia sẻ thông tin và ý kiến cá nhân một cách thuận lợi. Ba câu hỏi nghiên cứu cần được trả lời là: 1/ Giáo viên nhận thức như thế nào về dạy học kết hợp? 2/ Thực trạng tổ chức dạy các môn học lựa chọn trong trường trung học phổ thông Việt Nam hiện nay có những ưu điểm và hạn chế gì? 3/ Niềm tin của giáo viên về hiệu quả của việc vận dụng mô hình dạy học kết hợp trong dạy các môn học lựa chọn như thế nào?

Để xử lí kết quả khảo sát, nghiên cứu sử dụng phương pháp tiếp cận dữ liệu định lượng. Dữ liệu thu thập được làm sạch, xử lí phân tích bằng phần mềm SPSS27 và Microsoft Excel để tính tỉ lệ quy định 05 mức dựa trên điểm trung bình của thang Likert.

Ngoài ra, bài viết còn sử dụng một số phương pháp nghiên cứu lí luận như phân tích, so sánh, tổng hợp để làm rõ những khái niệm cốt lõi.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Một số khái niệm chính

a. Mô hình dạy học kết hợp

Dạy học kết hợp là mô hình được vận dụng phổ biến ở nhiều nước có nền giáo dục phát triển. Một số tác giả tiêu biểu quan tâm đến vấn đề này có thể kể đến là Bonk, C. J. & Graham, C. R. (2005), Michael B.Horn - Heather Staker (2012), Jared Stein, Charles R. Graham (2014), Christine Greenhow, Charles R. Graham, Matthew J Koehler (2022)... Các tác giả đều khẳng định xu thế trở dậy của mô hình dạy học kết hợp, phân tích những cơ hội và thách thức của mô hình, đối chiếu sự thống nhất trong đa dạng của bối cảnh toàn cầu và tính chất địa phương khi áp dụng mô hình,... Ở Việt Nam, mô hình này còn khá mới và bắt đầu được quan tâm hơn trong khoảng chục năm trở lại đây. Có thể kể đến một số tác giả như Nguyễn Thị Hồng Nhung, Mai Văn Hưng (2019); Nguyễn Hoàng Trang và các cộng sự (2020), Đào Ngọc Chính và các cộng sự (2022), Nguyễn Thị Kiều Vân (2022),... Các tác giả đưa ra quan niệm về dạy học kết hợp chủ yếu dựa vào đặc điểm hình thức tổ chức, mức độ kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến, tiếp tục khẳng định những ưu thế của mô hình dạy học kết hợp, lí giải về những tiểu loại của mô hình dạy học kết hợp đã được sử dụng phổ biến (luân phiên nhóm, lớp/theo trạm, lớp học đảo ngược, trực tiếp chủ đạo); cách thức triển khai, thiết kế minh họa với bài học cụ thể,...

Kế thừa kết quả nghiên cứu của các nhà khoa học đi trước, đồng thời kết nối với mục tiêu giáo dục phổ thông và điều kiện thực hiện của Việt Nam, chúng tôi quan niệm: Dạy học kết hợp là mô hình có sử dụng đồng thời hai hình thức học tập trực tiếp trên lớp học truyền thống và học tập trực tuyến thông qua nền tảng công nghệ số với các mức độ từ thấp (dạy học trực tiếp là chủ đạo, có kết hợp một số hoạt động tương tác trực tuyến ngoài giờ học), trung bình (thay thế một số hoạt động học trực tiếp bằng việc học trực tuyến), đến cao (khóa học kết hợp được thực hiện một cách có hệ thống từ quản lí, tổ chức dạy học, kiểm tra đánh giá theo chuẩn đầu ra) nhằm phát triển toàn diện các phẩm chất và năng lực của người học.

b. Môn học lựa chọn

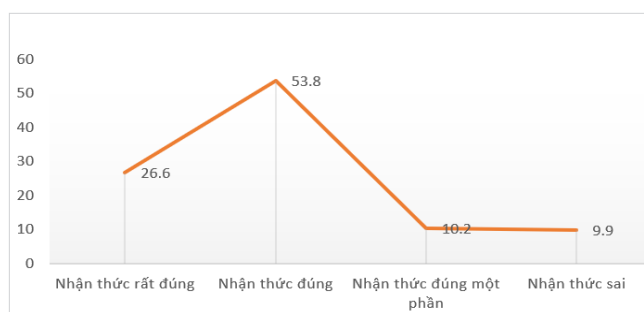
Thuật ngữ này chính thức xuất hiện trong Chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể 2018.

Theo đó, môn học lựa chọn là môn học được học sinh chọn theo định hướng nghề nghiệp. Để làm rõ hơn nội hàm của thuật ngữ này, chúng tôi quan niệm: Môn học lựa chọn trong chương trình giáo dục phổ thông là môn mà học sinh cấp Trung học phổ thông có quyền chọn trong danh mục các môn học thuộc ba tổ hợp (nhóm môn Khoa học xã hội, nhóm môn Khoa học tự nhiên, nhóm môn Công nghệ và Nghệ thuật) được công bố bởi Chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể 2018 để tạo nên tổ hợp môn cần học phù hợp với yêu cầu của Chương trình và nguyện vọng của học sinh, đáp ứng định hướng nghề nghiệp trong tương lai.

3.2. Kết quả khảo sát

3.2.1. Nhận thức của giáo viên về mô hình dạy học kết hợp

Kết quả khảo sát đối với 1834 giáo viên dạy các môn lựa chọn (Biểu đồ 1) cho thấy hầu hết giáo viên (với tổng số 1466, chiếm 80,4%) đã nhận thức rất đúng và đúng về bản chất của mô hình dạy học kết hợp là hình thức kết hợp giữa dạy học trực tiếp với dạy học trực tuyến ở các mức độ khác nhau có sự hỗ trợ của nền tảng công nghệ thông qua các phương tiện truyền thông và Internet. Vẫn còn 186 giáo viên (chiếm 10,2%) nhận thức đúng một phần và 182 giáo viên (chiếm 9,9%) nhận thức sai về mô hình dạy học kết hợp (khi cho rằng dạy học kết hợp là ứng dụng công nghệ sử dụng phim, ảnh động, video... trong các hoạt động dạy học nói chung).



Biểu đồ 1: Tỷ lệ % giáo viên thể hiện nhận thức về mô hình dạy học kết hợp

Phần lớn giáo viên có được nhận thức đúng về mô hình dạy học kết hợp này là do mô hình đã vận dụng rộng rãi trong thời kì đại dịch COVID-19 với những hình thức, mức độ khác nhau. Hơn nữa, *Chương trình Giáo dục phổ thông 2018* cũng đang nhấn mạnh đến mục tiêu phát triển năng lực số cho giáo viên và học sinh, quy định về *Khung năng lực số cho người học* đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành (Thông tư

số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/1/2025). Bên cạnh đó, phải nói tới lý do hết sức quan trọng là tác động của công cuộc chuyển đổi số ở Việt Nam hiện nay - Việt Nam được đánh giá cao trong số các nền kinh tế mới nổi về tốc độ chuyển đổi số ở các lĩnh vực trong đó có giáo dục. Những tiền đề này là cơ sở để giáo viên nâng cao nhận thức về vấn đề liên quan đến ứng dụng và chuyển đổi số trong dạy học.

Tuy nhiên, vẫn có 20% giáo viên nhận thức chưa đầy đủ, chưa đúng về mô hình dạy học kết hợp. Con số này cũng rất đáng phải suy ngẫm nhất là khi Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 đã thực hiện gọn một chu trình, nhiều đợt tập huấn về đổi mới phương pháp dạy học được các cấp quản lý tổ chức triển khai liên tục và sự tiếp nối tất yếu có chọn lọc của đội ngũ giáo viên về ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học từ những kết quả đã đạt sau đại dịch COVID-19. Lý giải cho con số này, nhóm nghiên cứu nghĩ đến khả năng, hiệu quả tự học, tự bồi dưỡng của một bộ phận giáo viên. Tiếp tục phân tích sâu hơn để thấy được mức độ nhận thức đúng về dạy học kết hợp giữa các nhóm giáo viên có thâm niên

công tác khác nhau cho kết quả kiểm định ANOVA như sau (xem Bảng 3).

Những lựa chọn này ở hai nhóm giáo viên đều thể hiện sự khác biệt có ý nghĩa thống kê (giá trị Sig. = 0.004 Sig. = 0.001). Quan niệm thứ nhất nhấn mạnh điều kiện có ý nghĩa tiên quyết để thực hiện dạy học kết hợp (sự hỗ trợ của nền tảng công nghệ). Quan niệm thứ hai nhấn mạnh đến các phương pháp dạy học phổ biến được sử dụng trong dạy học kết hợp (lớp học đảo ngược, luân chuyển trạm/phòng thực hành, luân chuyển nhóm). Sự khác biệt này cho thấy nhóm giáo viên trẻ hơn (thâm niên công tác dưới 10 năm và dưới 20 năm) có nhận thức đúng, toàn diện và sâu sắc hơn về quan niệm dạy học kết hợp so với nhóm giáo viên lâu năm (thâm niên công tác trên 20 năm). Điều này hoàn toàn phù hợp với thực tiễn bởi nhóm giáo viên trẻ có nhiều cơ hội thuận lợi trong việc tiếp cận ứng dụng công nghệ vào dạy học.

Để có thêm căn cứ đánh giá, chúng tôi tìm hiểu quan niệm của giáo viên về những lợi ích của mô hình dạy học kết hợp. Kết quả khảo sát cho thấy, phần lớn giáo viên nhận thức rõ và tích cực về các lợi

Bảng 3: Sự khác biệt về quan niệm dạy học kết hợp giữa các nhóm giáo viên dựa trên thâm niên công tác (ANOVA)

		Tổng bình phương	Giá trị độ lập	Bình phương trung bình	F (chỉ số kiểm định)	Sig (Giá trị ý nghĩa)
1. Là hình thức kết hợp giữa dạy học trực tiếp với dạy học trực tuyến ở các mức độ khác nhau có sự hỗ trợ của nền tảng công nghệ thông qua các phương tiện truyền thông và Internet.	Giữa các nhóm	10.775	2	5.387	5.651	0.004
	Trong nhóm	1745.681	1831	0.953		
	Tổng cộng	1756.456	1833			
2. Là ứng dụng phần mềm để thực hiện các phương pháp dạy học như: lớp học đảo ngược, luân chuyển trạm/phòng thực hành; luân chuyển theo nhóm, lớp.	Giữa các nhóm	13.302	2	6.651	7.527	0.001
	Trong nhóm	1617.889	1831	0.884		
	Tổng cộng	1631.191	1833			

Bảng 4: Thống kê mô tả về lợi ích của mô hình dạy học kết hợp trong dạy học các môn lựa chọn theo quan điểm của giáo viên

	Số lượng	Điểm tối thiểu	Điểm tối đa	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn
1. Học sinh có thể học các môn lựa chọn với những giáo viên xuất sắc từ nhiều nơi, trong một môi trường học tập linh hoạt.	1.834	1	5	3,65	0,856
2. Học sinh có thể chọn môn học phù hợp với nguyện vọng và năng lực cá nhân.	1.834	1	5	3,75	0,791
3. Học sinh có nhiều cơ hội phát triển kỹ năng tự học, kỹ năng số, năng lực tự chủ và trách nhiệm.	1.834	1	5	3,79	0,783

	Số lượng	Điểm tối thiểu	Điểm tối đa	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn
4. Giáo viên có nhiều cơ hội đóng góp cho cộng đồng hơn, không phụ thuộc vào ranh giới địa lý/khu vực.	1834	1	5	3,75	0,795
5. Giáo viên có nhiều cơ hội phát triển năng lực dạy học theo hướng hiện đại để giảng dạy hiệu quả các môn lựa chọn	1.834	1	5	3,77	0,773
6. Nhà trường vẫn có thể tổ chức dạy học các môn lựa chọn khi áp dụng mô hình dạy học kết hợp để đáp ứng nguyện vọng của học sinh trong điều kiện thiếu giáo viên.	1.834	1	5	3.71	0,809
7. Nhà trường có thể tối ưu hóa việc sử dụng các nguồn lực (giáo viên, cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng, ...) để triển khai dạy học các môn lựa chọn hiệu quả hơn.	1.834	1	5	3,72	0,814

ích mà mô hình dạy học kết hợp mang lại đối với học sinh và nhà trường (xem Bảng 4).

Trung bình các nhận xét về lợi ích của mô hình dạy học kết hợp đều có điểm số từ 3.65 trở lên trên thang đo Likert 5 mức (tương ứng với điểm tối đa là 5) cho thấy sự đồng thuận của giáo viên trong đánh giá.

Lợi ích rõ ràng đối với học sinh khi áp dụng mô hình dạy học kết hợp được giáo viên khẳng định là *tăng cơ hội phát triển các phẩm chất, năng lực chung* (tự học, tự chủ, trách nhiệm, khả năng ứng dụng công nghệ thông tin), điểm trung bình: 3.79; *tăng tính linh hoạt và giúp học sinh cá nhân hóa được lộ trình học tập* bởi các em dễ dàng lựa chọn môn học phù hợp với năng lực và nguyện vọng của bản thân, điểm trung bình: 3.75.

Lợi ích đối với chính bản thân giáo viên là *hỗ trợ chuyên môn và đổi mới phương pháp giảng dạy*, bởi áp dụng mô hình dạy học kết hợp sẽ tạo cơ hội để giáo viên tiếp cận với các phương pháp dạy học hiện đại, phù hợp với xu hướng đổi mới, điểm trung bình: 3.77.

Lợi ích đối với nhà trường khi áp dụng mô hình dạy học kết hợp được nhấn mạnh là *giảm áp lực về vấn đề thiếu giáo viên*, đồng thời tạo điều kiện cho nhà trường khai thác hiệu quả hơn các nguồn lực để tổ chức triển khai dạy học các môn lựa chọn, điểm trung bình: 3.71 và 3.72.

Từ kết quả phản hồi câu hỏi này, một vấn đề liên quan đến nhận thức của giáo viên cũng cần được xem xét. Đó là, với đặc tính linh hoạt, tiện ích và khả năng kết nối không bị giới hạn bởi các yếu tố thời gian, không gian của mô hình dạy học kết hợp thì rõ ràng khi áp dụng học sinh sẽ được hưởng lợi là *có thể học các môn lựa chọn với những giáo viên xuất sắc từ nhiều nơi trong một môi trường học tập linh hoạt*. Song lợi ích này lại có điểm trung bình thấp nhất (3,65) và

độ lệch chuẩn cao nhất (0,856). Nghĩa là nhiều giáo viên vẫn cho thấy biểu hiện của sự nhận thức thiếu khách quan, khoa học về lợi ích mà mô hình dạy học kết hợp mang lại.

Đánh giá cơ bản với độ lệch chuẩn dao động từ 0.773 đến 0.856, cho thấy mức độ đồng thuận về lợi ích của mô hình dạy học kết hợp giữa các giáo viên được khảo sát là khá nhất quán, không có khác biệt lớn.

Như vậy, có thể khẳng định phần lớn giáo viên dạy các môn lựa chọn đã có nhận thức đúng đắn về mô hình dạy học kết hợp. Họ đã hiểu được bản chất của mô hình dạy học kết hợp và tiềm năng của nó trong việc tăng cường đổi mới phương pháp dạy học hướng tới mục tiêu phát triển phẩm chất, năng lực, cá nhân hóa lộ trình học tập của học sinh trong nhà trường.

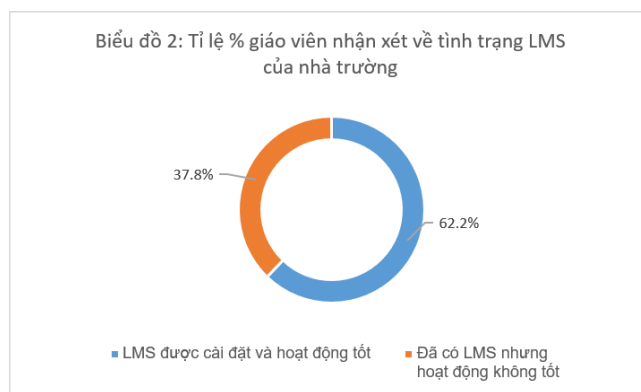
3.2.2. Thực trạng mức độ áp dụng mô hình dạy học kết hợp đối với các môn lựa chọn

Mô hình dạy học kết hợp đã tỏ ra ưu thế và được áp dụng rộng rãi trong thời kì đại dịch COVID-19 với mức độ hình thức khác nhau nhưng việc tích hợp vào “trạng thái bình thường mới” sau đại dịch cho thấy sự chênh lệch đáng kể (Cobo - Rendón và cộng sự, 2022). Những chênh lệch này đặc biệt rõ ở Việt Nam, khi quan niệm của cộng đồng xã hội – nhất là đa số phụ huynh luôn đặt niềm tin vào lớp học trực tiếp, nơi có sự hiện diện của giáo viên. Quan niệm này hoàn toàn phù hợp với kết quả khảo sát (Bảng 5) khi có tới 82,9% giáo viên được hỏi khẳng định ở thời điểm hiện tại bản thân hoàn toàn dạy bằng hình thức trực tiếp, có tích hợp công nghệ ở một số hoạt động. Tín hiệu đáng mừng là có 10,4% giáo viên đã tiếp cận LMS để cung cấp nội dung bổ trợ hoặc nâng cao nhằm mục đích dạy học phân hóa với những nhóm học sinh có mức năng lực khác nhau. Đây là những bước

đi cần thiết ban đầu để các nhà trường tiến tới ứng dụng hiệu quả công nghệ số vào dạy học theo lộ trình cá nhân hóa người học. Có 5,8% giáo viên thường xuyên sử dụng mô hình dạy học kết hợp với những phương pháp lớp học đảo ngược, luân chuyển theo nhóm lớp, luân chuyển phòng thực hành để hướng dẫn học sinh thực hiện các nhiệm vụ học tập. Con số này tuy chưa cao nhưng đó là nhóm hạt nhân dẫn đường tâm huyết và có sức lan tỏa trong công cuộc đổi mới phương pháp dạy học theo xu hướng ứng dụng chuyển đổi số. Chia sẻ của giáo viên cũng cho thấy, trong giai đoạn nước rút của kì thi tốt nghiệp trung học phổ thông nhiều trường đã tổ chức các giờ học online miễn phí hoặc sử dụng phần mềm ôn tập trực tuyến cho các nhóm học sinh theo nhu cầu (Trường Trung học phổ thông Mariecurie – Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Trung học phổ thông Nguyễn Tất Thành - Hà Nội...).

Điều tiếp theo cần ghi nhận là hạ tầng công nghệ của phần lớn các nhà trường (cụ thể là hệ thống LMS) đã được chú trọng đầu tư, kết quả đánh giá của giáo viên thể hiện trong Biểu đồ 2.

Có 62,2% giáo viên (1.141 người) được hỏi khẳng định nhà trường đã được cài đặt LMS và hoạt động tốt. Con số này cho thấy một nỗ lực rất lớn của các trường về đầu tư hạ tầng công nghệ để từng bước thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số trong dạy học. Tuy nhiên vẫn còn 37,8% giáo viên (693 người) cho rằng nhà trường đã có LMS nhưng hoạt động không tốt. Như vậy, để áp dụng mô hình dạy học kết hợp vào thực tiễn cần tiếp tục có giải pháp đầu tư về hạ tầng công nghệ, thu hẹp khoảng cách giữa các trường, các



Biểu đồ 2: Tỷ lệ % giáo viên nhận xét về tình trạng LMS của nhà trường

khuvực để đảm bảo được điều kiện tiên quyết.

Tìm hiểu thực trạng áp dụng mô hình dạy học kết hợp thông qua những hoạt động cụ thể của giáo viên dạy các môn học lựa chọn (xem Bảng 6), chúng tôi nhận thấy đa số các giáo viên áp dụng ở mức vừa phải. Nhận định này phù hợp với thực tiễn hiện nay khi yêu cầu ứng dụng công nghệ trong dạy học đã được chú trọng, tuy nhiên vẫn còn không ít những thách thức đặt ra liên quan đến nguồn lực thực hiện (đáng kể nhất chính là nguồn lực về hạ tầng công nghệ và con người).

Kết quả khảo sát cho thấy, hoạt động phổ biến nhất là tìm kiếm tài liệu học tập điện tử thông qua các nền tảng như YouTube hoặc các trang web (điểm trung bình $M = 3,82$), tiếp theo là hướng dẫn học sinh thực hiện những việc tương tự ($M = 3,71$); hay hoạt động sử dụng phần mềm công nghệ để thiết kế bài học của giáo viên ($M = 3,57$). Các hoạt

Bảng 5: Mức độ vận dụng mô hình dạy học kết hợp vào dạy các môn lựa chọn của giáo viên

Phát biểu	Mức độ thường xuyên	Tỷ lệ %	Tỷ lệ % hợp lệ	Tỷ lệ % tích lũy
1. Tôi dạy hoàn toàn bằng hình thức trực tiếp, có kết hợp công nghệ thông tin vào một số hoạt động cụ thể.	1520	82,9	82,9	82,9
2. Tôi chủ yếu dạy bằng hình thức trực tiếp, thỉnh thoảng sử dụng LMS để cung cấp nội dung bổ trợ hoặc nâng cao cho các nhóm học sinh.	191	10.4	10.4	93,3
3. Tôi thường xuyên sử dụng kết hợp giữa hình thức trực tuyến và trực tiếp; học sinh tự học hoặc hoàn thành nhiệm vụ trực tuyến sau đó học trực tiếp trên lớp để báo cáo kết quả, thảo luận và giải quyết các câu hỏi.	106	5.8	5.8	99,1
4. Tôi chủ yếu dạy bằng hình thức trực tuyến thông qua LMS; học sinh học theo lộ trình cá nhân hóa bởi thuật toán và AI, tôi theo dõi, hỗ trợ và tư vấn khi cần.	17	0,9	0,9	100.0
Tổng cộng	1.834	100.0	100.0	100.0

Bảng 6: Thống kê về tần suất triển khai các hoạt động dạy học kết hợp trong dạy học các môn lựa chọn

Hoạt động	Không bao giờ	Hiếm khi	Thỉnh thoảng	Thường xuyên	Rất thường xuyên	Điểm trung bình
1. Sử dụng LMS của trường (Ví dụ: hệ thống quản lí bài học, đánh giá, báo cáo và thông tin,...).	7.7	11.8	46,2	29.3	5.0	3.12
2. Tìm kiếm các tài liệu học tập điện tử có trên các trang web, YouTube, mạng xã hội.	1.4	2.3	24,4	56,9	14,9	3.82
3. Hướng dẫn học sinh tìm kiếm tài liệu học tập điện tử có trên các trang web, YouTube, mạng xã hội.	1.6	2.3	30,5	54,8	10.7	3.71
4. Thiết kế bài học hoặc hoạt động học tập bằng phần mềm.	1.9	5,5	35,6	47,5	9.6	3.57
5. Giao bài tập trực tuyến cho học sinh thông qua các nền tảng học tập như Microsoft Teams hoặc Google Classroom,...	3.8	11.1	48,1	31,5	5,5	3.24
6. Tương tác với học sinh, cung cấp phản hồi về công việc và kết quả học tập thông qua công nghệ.	4.6	12.2	46,7	31,7	4.7	3.20
7. Hướng dẫn học sinh tương tác, phản hồi và tự đánh giá kết quả học tập của mình và của bạn thông qua công nghệ.	5.9	13.9	45.0	30,1	5.1	3.15

động ít thường xuyên hơn bao gồm: Giao nhiệm vụ trực tuyến ($M = 3,24$), cung cấp phản hồi thông qua nền tảng công nghệ ($M = 3,20$) và hướng dẫn học sinh đánh giá/tự đánh giá thông qua nền tảng công nghệ ($M = 3,15$). Nhìn chung, trong khi giáo viên đã có những cố gắng để thực hiện các hoạt động dạy học kết hợp ở mức cơ bản thì những ứng dụng sự phạm tiên tiến hơn - như các phần mềm công nghệ hỗ trợ - vẫn chưa được khai thác hiệu quả. Vì vậy, tăng cường cơ sở hạ tầng công nghệ và bồi dưỡng nâng cao năng lực số cho giáo viên là tiền đề cần thiết để có thể ứng dụng phổ biến, hiệu quả hơn mô hình dạy học kết hợp trong hệ thống nhà trường trung học phổ thông tại Việt Nam.

3.2.3. *Thực trạng về sự sẵn sàng của giáo viên khi áp dụng mô hình dạy học kết hợp đối với các môn lựa chọn*

Tìm hiểu vấn đề này, khảo sát đề nghị giáo viên chia sẻ ý kiến về sự sẵn sàng của bản thân, sự đón nhận của học sinh, phụ huynh khi áp dụng mô hình dạy học kết hợp, những nỗ lực của đồng nghiệp, sự ủng hộ của nhà trường và chính quyền địa phương (xem Bảng 7).

Kết quả khảo sát cho thấy mức độ sẵn sàng của giáo viên nếu vận dụng mô hình dạy học kết hợp khá cao, biểu hiện là tất cả các mục đều có điểm trung bình (Mean) trên 3.5 trong thang đo Likert 5

mức. Đáng chú ý là *sự sẵn sàng cải thiện kĩ năng công nghệ thông tin* của giáo viên có điểm trung bình $M = 4.00$, độ lệch chuẩn $= 0.656$ và *sự sẵn sàng đổi mới phương pháp, hình thức dạy học* của giáo viên có $M = 3.98$, độ lệch chuẩn $= 0.671$. Đây là hai yếu tố có điểm trung bình cao nhất, điều này khẳng định bản thân giáo viên đã sẵn sàng cho việc áp dụng mô hình dạy học kết hợp. Nhận định này cũng phù hợp với nghiên cứu về vai trò của năng lực công nghệ thông tin mà giáo viên cần có khi dạy học kết hợp (Nguyen và cộng sự, 2024). Có thể nói, sự sẵn sàng của giáo viên là yếu tố lạc quan dự báo mạnh mẽ về tính khả thi nếu áp dụng mô hình dạy học kết hợp vào thực tế. Giáo viên đã rất tự tin về bản thân, thể hiện sự cố gắng làm chủ công nghệ cùng với những đổi mới về kĩ năng sư phạm.

Ngoài ra, giáo viên cũng tin tưởng vào *sự ủng hộ của cán bộ quản lí nhà trường* ($M = 3.92$) trong việc hỗ trợ và tạo điều kiện thích ứng với mô hình dạy học mới. Tuy nhiên, yếu tố về *điều kiện về công nghệ của gia đình học sinh* ($M = 3.53$, độ lệch chuẩn $= 0.91$); *cơ chế chính sách, chỉ đạo của các cấp quản lí* ($M=3.69$, độ lệch chuẩn $= 0.812$) lại có điểm trung bình thấp hơn và độ lệch chuẩn cao hơn. Điều này cho thấy bản khoăn của giáo viên về sự không đồng đều trong điều kiện học tập tại nhà của học sinh, khoảng trống về cơ chế chính sách có thể là những thách thức cần

Bảng 7. Quan điểm của giáo viên về sự sẵn sàng vận dụng mô hình dạy học kết hợp tại trường

Quan điểm	Rất không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Trung lập (%)	Đồng ý (%)	Rất đồng ý (%)	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn
1. Tôi sẵn sàng đổi mới phương pháp, hình thức dạy học để đáp ứng nhu cầu của học sinh	1.7	0,8	10,9	71,2	15,4	3,98	0,671
2. Tôi sẵn sàng cải thiện kỹ năng công nghệ để đáp ứng yêu cầu của mô hình dạy học kết hợp	1.7	0,8	9,2	72,7	15,6	4,0	0,656
3. Học sinh hứng thú và thực hiện được các nhiệm vụ của học tập kết hợp	1.9	3,8	18,6	65,5	10,3	3,78	0,751
4. Cán bộ quản lý nhà trường luôn tạo điều kiện để đổi mới về phương pháp, hình thức dạy học	2	1,1	14,2	68,9	13,8	3,92	0,703
5. Phụ huynh học sinh ủng hộ và đón nhận mô hình dạy học kết hợp	2	4,5	23,6	61,2	8,8	3,70	0,77
6. Năng lực của giáo viên và điều kiện của nhà trường đáp ứng được yêu cầu dạy học kết hợp	2,5	6,1	18,5	64	9	3,71	0,809
7. Điều kiện về công nghệ của gia đình học sinh đáp ứng được yêu cầu dạy học kết hợp	3,3	11,3	21,8	55,9	7,6	3,53	0,91
8. Các cấp quản lý có văn bản hướng dẫn để thực hiện dạy học kết hợp	2,7	5,1	22,2	60,9	9,1	3,69	0,812

được quan tâm xem xét khi triển khai dạy học kết hợp nhằm đảm bảo tính công bằng và hiệu quả.

Phân tích mối tương quan giữa những thách thức mà giáo viên gặp phải và các yếu tố liên quan đến mức độ sẵn sàng của giáo viên (nhận thức, tần suất triển khai, điều kiện thực hiện và hiệu quả) đối với việc vận dụng mô hình dạy học kết hợp cho thấy mức độ hiệu quả vận dụng là biến có tương quan mạnh nhất với thách thức ($r \approx 0.177$, $p < 0.01$). Điều này có nghĩa là những giáo viên đánh giá cao hiệu quả của mô hình dạy học kết hợp cũng đồng thời nhận diện rõ hơn các khó khăn trong quá trình triển khai. Kết quả này nhấn mạnh rằng, để hỗ trợ giáo viên vượt qua các thách thức khi vận dụng mô hình dạy học kết hợp cần chú trọng tới việc đảm bảo tính khả thi để khai thác hiệu quả của mô hình trong thực tế.

Nhìn chung, kết quả khảo sát cho thấy những nét vẽ lạc quan trong bức tranh thực trạng áp dụng mô hình dạy học kết hợp vào thực tiễn. Kết quả này củng cố nhu cầu về một bước tiến mới khi ứng dụng công nghệ số vào dạy học ở nhà trường phổ thông chứ không chỉ trọng tâm ở lĩnh vực giáo dục đại học.

4. Kết luận

Từ kết quả nghiên cứu thực trạng có thể khẳng định: *Thứ nhất*, đa số giáo viên dạy học các môn lựa

chọn ở trường trung học phổ thông đã có nhận thức đúng và đầy đủ về bản chất, lợi ích của mô hình dạy học kết hợp - một mô hình dạy học phổ biến trên thế giới nhưng còn khá mới mẻ ở Việt Nam. Tuy nhiên, vẫn còn một bộ phận (khoảng 20%) chưa nhận thức đúng và đầy đủ về vấn đề. *Thứ hai*, hầu hết giáo viên hiện nay sử dụng hình thức dạy học trực tiếp nhưng nhiều hoạt động ứng dụng công nghệ đã được tích hợp khá nhuần nhuyễn vào quá trình dạy học; một bộ phận giáo viên tiên phong đã tích cực ứng dụng các phương pháp dạy học mới (lớp học đảo ngược, luân chuyển theo nhóm/lớp, luân chuyển cá nhân, luân chuyển phòng thực hành...). Đây chính là hình thức khác nhau của dạy học kết hợp đang được giáo viên từng bước thực hiện với những biến thể sáng tạo, phù hợp với điều kiện thực tiễn của mỗi địa phương. Nhiều hoạt động thể hiện mức độ khác nhau khi áp dụng mô hình dạy học kết hợp cũng đã được giáo viên triển khai trong thực tiễn nhằm tìm kiếm hướng đi mới để hiện thực hóa mục tiêu dạy học phát triển năng lực, dạy học phân hóa theo nhu cầu và trình độ của người học. Song phần lớn các ứng dụng mới dừng ở mức cơ bản, những ứng dụng sự phạm tiên tiến hơn chưa được khai thác hiệu quả. *Thứ ba*, phần lớn giáo viên tỏ thái độ sẵn sàng đổi mới, phát triển bản thân (bồi dưỡng kỹ năng sử dụng công nghệ, đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học) để đáp

ứng yêu cầu vận dụng mô hình dạy học kết hợp. Họ cũng thể hiện niềm tin vào học sinh, đồng nghiệp, cán bộ quản lý nhà trường khi thực hiện nhiệm vụ này. Mặc dù vậy họ vẫn còn băn khoăn về điều kiện học tập chưa đồng đều của học sinh, những bất cập về cơ chế để giáo viên có thể thực hiện dạy học kết hợp hiệu quả trong nhà trường. Những nhận định từ kết quả khảo sát này đặt ra vấn đề đối với công tác hoạch định chính sách có liên quan và cơ hội triển khai áp dụng mô hình dạy học kết hợp vào trường trung học phổ thông nhằm khắc phục những bất cập đang tồn tại trong quá trình tổ chức dạy các môn học lựa chọn như: thiếu giáo viên, cơ sở vật chất chưa đáp ứng nhu cầu người học, những vướng mắc trong giải quyết nguyện vọng chuyển đổi, học bổ sung môn học, thái độ thiếu tích cực của học sinh khi học tập các môn lựa chọn...

Trong khuôn khổ của bài báo, nhóm nghiên cứu đề xuất một số khuyến nghị sau: 1/ Các cấp quản lý tiếp tục tổ chức tập huấn chuyên sâu về đổi mới phương pháp dạy học ở trường phổ thông, chú trọng tới những nội dung liên quan đến ứng dụng chuyển đổi số, trong đó có vấn đề áp dụng mô hình dạy học kết hợp; 2/ Cần có giải pháp đồng bộ giúp mọi học sinh cấp Trung học phổ thông được tiếp cận công nghệ phục vụ học tập với những mức độ khác nhau phù hợp với điều kiện thực tiễn, kỹ năng sử dụng công nghệ của học sinh cũng cần được quan tâm bồi dưỡng

để phát triển theo hướng tích cực; 3/ Cần sớm ban hành những cơ chế chính sách, văn bản hướng dẫn phù hợp liên quan đến việc phát triển chương trình học tập, xây dựng hệ thống bài giảng E-learning qua kiểm định; sử dụng, đãi ngộ đội ngũ giáo viên/nhân viên nòng cốt, tiên phong; có phương án công nhận hoàn thành môn học với mô hình dạy học kết hợp.

Vận dụng mô hình dạy học kết hợp hiệu quả sẽ góp phần giải quyết được bài toán thừa thiếu giáo viên cục bộ, đáp ứng được dạy học phân hóa, dạy học theo nhu cầu của học sinh thông qua việc tổ chức lớp học nhỏ (Học sinh học bù các môn lựa chọn mới, học chuyển đổi môn lựa chọn khi chuyển trường); góp phần tạo hứng thú và bồi dưỡng cảm xúc xã hội tích cực nhằm thay đổi nhận thức thiên cận (học để thi, không thi sẽ học đối phó), hình thành mục đích học đúng đắn (mở rộng hiểu biết, kiến tạo giá trị của bản thân), từ đó cải thiện và nâng cao chất lượng học tập nói chung và các môn lựa chọn ở trường Trung học phổ thông nói riêng.

Lời cảm ơn: Bài viết này là sản phẩm của đề tài “Tổ chức dạy học kết hợp (Blended learning) trong dạy học các môn học lựa chọn cấp Trung học phổ thông” - Mã số: B2024.VKG.03, do Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam phê duyệt theo Quyết định số 1393/QĐ-BGDĐT ngày 16 tháng 5 năm 2023.

Tài liệu tham khảo

- Bonk, C. J. & Graham, C. R. (2005). *Handbook of blended learning: Global Perspectives, local designs*. San Francisco, CA: Pfeiffer Publishing.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018). *Chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể*.
- Cobo-Rendón, R., Bruna Jofre, C., Lobos, K., Cisternas San Martin, N., & Guzman, E. (2022). Return to University Classrooms With Blended Learning: A Possible Post-pandemic COVID-19 Scenario [Perspective]. *Frontiers in Education, Volume 7* - 2022. <https://doi.org/10.3389/educ.2022.957175>
- Christine Greenhow, Charles R Graham, Matthew J Koehler. (2022). *Foundations of online learning: Challenges and opportunities*, Educational Psychologist; Routledge; <https://www.tandfonline.com/doi/abs/10.1080/00461520.2022.2090364>
- Dao Chinh, Do Ha, Dang Hue, Phan Loi. (2025). “Current state and proposals for blended learning in teaching elective subjects in high schools: Dataset from Vietnam”, Mendeley Data, V1, doi: 10.17632/gp4mvt542h.1. <https://data.mendeley.com/datasets/gp4mvt542h/1>
- Đào Ngọc Chính và các cộng sự. (2022). *Nghiên cứu mô hình dạy học kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến (Blended) ở trường phổ thông góp phần thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018*, V2022-17TX - Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.
- Jared Stein, Charles R. Graham. (2014). *Essentials for Blended Learning: A Standards-Based Guide*, Pub. Location New York.
- Michael B. Horn, Heather Staker. (2012). *The rise of K-12 blended learning*, Innosight institute.
- Nguyen, D. K., Duong, V. B., Nguyen, C. C., Nguyen, T., & Tran, H.-H. (2024). *Factors affecting grade 6 students' learning following the B-Learning model*. *Multidisciplinary Reviews*, 7(8), 2024180-2024180.
- Nguyễn Hoàng Trang và các cộng sự. (2020). Dạy học kết hợp và tổ chức dạy học kết hợp tại trường trung học phổ thông, *Tạp chí Giáo dục*, số 485, Kì 1.
- Nguyễn Thị Hồng Nhung, Mai Văn Hưng. (2019). *Vận dụng mô hình dạy học kết hợp (Blended learning) trong dạy học sinh học ở trường trung học phổ thông*, Kì yếu Hội thảo quốc tế, Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Nguyễn Thị Kiều Vân. (2022). *Thiết kế và tổ chức dạy học kết hợp trực tiếp và trực tuyến*, NXB Thế giới.